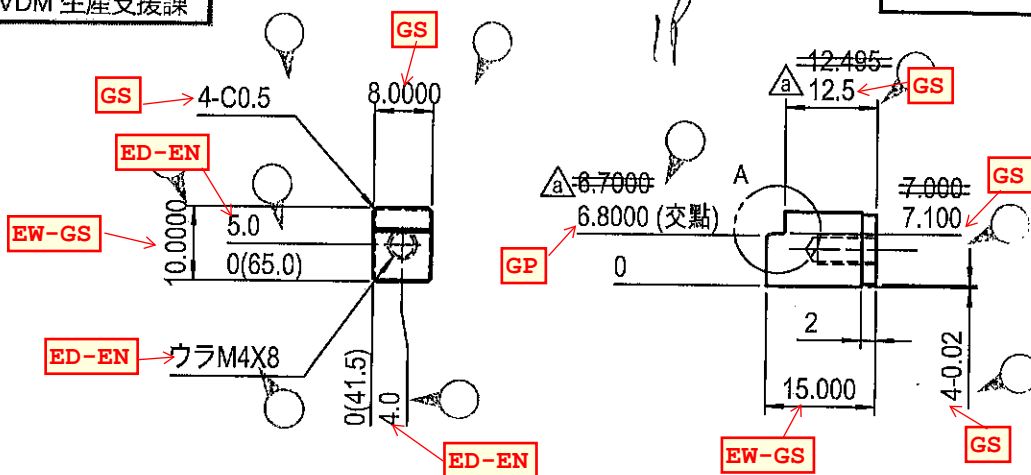


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	1999/02/06	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△a	2016/05/23	VDM生産実績(S150053→R051041)	VDM-XLB-1605-920	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

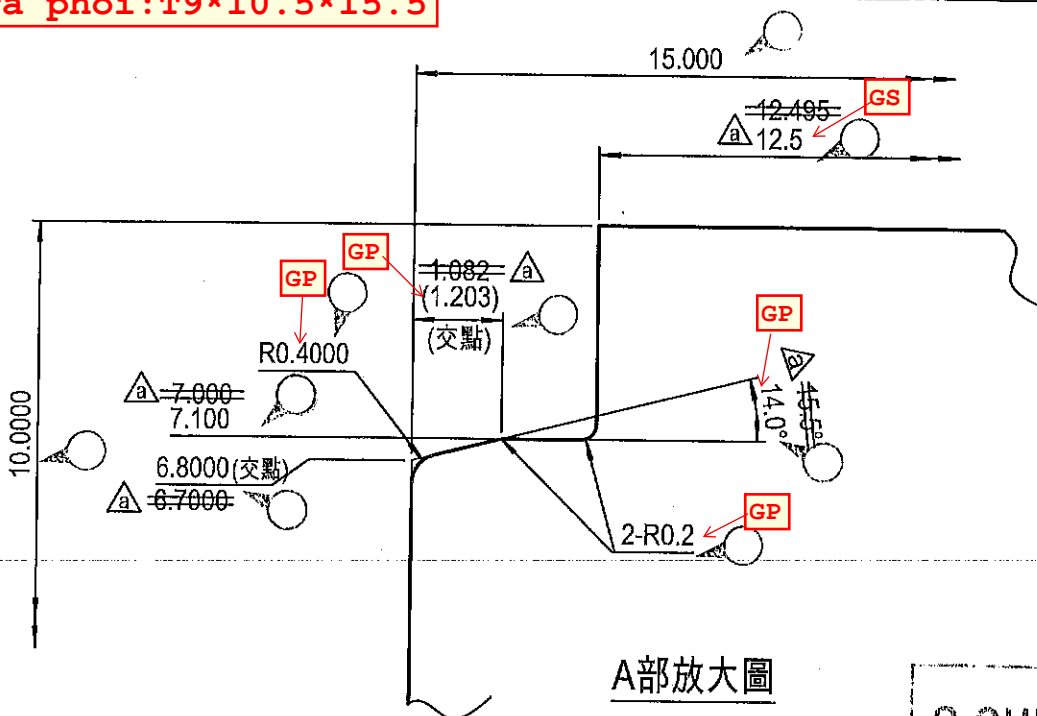
出図
製作・検収用図面
検収完了後要廃棄
2023-06-15
VDM 生産支援課

213.306.083A
1P

TOLERANCES NOT
OTHERWISE SPECIFIED
FINISH MARKS
G
▽▽▽



EW ra phô: T9*10.5*15.5



S CHUẨN

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	部品図		曲げダイ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		BEND DIE	
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		彎曲下模	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	1999/02/06	1:1(10:1)		R051041	

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 306 0214

SNO: **R051041**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T9*11*16	EW:30 GS:120 GP:40 ED:20 EN:40 AF:10 KT